

DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

Khóa thi: ngày 20/04/2024

(theo quyết định số: 21 /QĐ/TTNNTH, ngày 22 tháng 04 năm 2024)

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lý thuyết	Thực hành	Đánh giá
1	24CB4122	BNướcch Ba	05/09/1986	Quảng Nam	Nam	CơTu	5.0	7.0	Đạt
2	24CB4123	Nguyễn Vy Bảo	28/01/2001	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	7.7	9.5	Đạt
3	24CB4124	Nguyễn Mậu Đức Công	11/10/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	5.7	7.0	Đạt
4	24CB4125	Trương Đi	15/03/1966	Quảng Nam	Nam	Kinh	7.3	9.0	Đạt
5	24CB4126	Vũ Minh Đức	22/08/1998	Nam Định	Nam	Kinh	10.0	8.5	Đạt
6	24CB4127	Nguyễn Thị Mỹ Dung	30/05/2002	Quảng Trị	Nữ	Kinh	9.3	9.0	Đạt
7	24CB4128	Trần Anh Dũng	12/07/2001	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	6.3	8.5	Đạt
8	24CB4129	ALăng Găm	07/10/1990	Quảng Nam	Nam	CơTu	5.3	9.0	Đạt
9	24CB4130	Nguyễn Thanh Hà	10/07/1996	Quảng Nam	Nam	Kinh	7.0	9.5	Đạt
10	24CB4131	Nguyễn Bùi Minh Hiếu	05/09/1997	Phú Yên	Nam	Kinh	9.3	10.0	Đạt
11	24CB4132	Võ Thị Thương Hoài	13/07/2000	Quảng Bình	Nữ	Kinh	8.7	10.0	Đạt
12	24CB4133	Mai Thị Hoanh	30/12/1982	Quảng Nam	Nữ	Kinh	9.0	9.5	Đạt
13	24CB4134	Nguyễn Hồ Khánh Linh	02/02/2001	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	9.3	9.5	Đạt
14	24CB4135	Nguyễn Mai Đan Linh	13/02/2001	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	9.0	9.5	Đạt
15	24CB4136	Phan Thị Yến Linh	20/02/1991	Quảng Nam	Nữ	Kinh	7.3	6.0	Đạt
16	24CB4137	Lê Huy Hoàng Mai	20/02/2001	Thừa Thiên Hu	Nữ	Kinh	7.3	7.5	Đạt
17	24CB4138	Đinh Thanh Mế	14/08/2001	Quảng Ngãi	Nam	Hrê	7.7	9.0	Đạt
18	24CB4139	Huỳnh Thị Phương Nga	01/01/1993	Quảng Nam	Nữ	Kinh	7.3	5.5	Đạt
19	24CB4140	Ngô Thị Yến Nhi	18/04/2000	Quảng Nam	Nữ	Kinh	9.3	9.0	Đạt
20	24CB4141	Nguyễn Thị Hồng Nhi	05/09/1995	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.0	6.0	Đạt
21	24CB4142	Coor Thị Nhiếp	20/09/1988	Quảng Nam	Nữ	CơTu	5.0	7.0	Đạt
22	24CB4143	Mai Trần Thục Quân	07/11/2001	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	8.3	8.5	Đạt
23	24CB4144	Đặng Ngọc Tâm	04/08/1986	Quảng Nam	Nam	Kinh	6.0	7.0	Đạt
24	24CB4145	Bùi Thị Ái Thảo	19/08/1995	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.0	5.5	Đạt
25	24CB4146	Nguyễn Xuân Đức Thông	04/02/2001	Quảng Bình	Nam	Kinh	8.7	9.0	Đạt
26	24CB4147	Phạm Hồng Tiền	25/11/1988	Quảng Nam	Nam	Kinh	7.3	6.0	Đạt
27	24CB4148	Nguyễn Thị Minh Trang	02/02/2001	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	9.0	9.5	Đạt
28	24CB4149	Nguyễn Bá Tuấn	01/09/2001	Thanh Hóa	Nam	Kinh	8.3	9.0	Đạt
29	24CB4150	Lại Nguyễn Phương Uyên	15/10/2001	Bến Tre	Nữ	Kinh	8.3	10.0	Đạt
30	24CB4151	Trần Bảo Uyên	09/01/2001	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	9.0	9.5	Đạt
31	24CB4152	Nguyễn Thị Vân	11/02/1985	Quảng Nam	Nữ	Kinh	8.7	10.0	Đạt
32	24CB4154	Vũ Anh Vũ	30/09/2002	Bến Tre	Nữ	Kinh	8.0	9.0	Đạt

Danh sách này có: 32(thí sinh)